

ĐỔI CHIỀU CHUYỂN ĐỔI NHÂN CÔNG THEO THÔNG TƯ 37/2026/TT-BXD

STT	Số ĐM	Mã định mức	Tên công tác	Loại kết cấu	Nhân công cũ	ĐVT	Hao phí	Nhân công mới	Căn cứ Bảng 3.1 Phụ lục IV	Ghi chú
1	1	GT.10.01	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông	Khối xây gạch chỉ và bê tông gạch vỡ	Nhân công 3/7	công	1,65	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
2		GT.10.01	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông	Bê tông không cốt thép	Nhân công 3/7	công	1,88	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
3		GT.10.01	Phá dỡ kết cấu bằng máy khoan bê tông	Bê tông có cốt thép	Nhân công 3/7	công	2,02	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
4	2	GT.10.02	Phá dỡ mặt hè phổ bê tông	Bê tông	Nhân công 3/7	công	0,2	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
5		GT.10.02	Phá dỡ mặt hè phổ bê tông	Loại khác không cốt thép	Nhân công 3/7	công	0,15	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
6		GT.10.02	Phá dỡ vỉa hè	Vỉa 0,18 x 0,3 x 1m	Nhân công 3/7	công	0,2	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
7		GT.10.02	Phá dỡ vỉa hè	Vỉa 0,18 x 0,22 x 1m	Nhân công 3/7	công	0,12	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
8		GT.10.02	Phá dỡ tấm đan vỉa	Tấm 0,5 x 0,3 x 0,06m	Nhân công 3/7	công	0,05	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
9	3	GT.10.03	Cắt cỏ đại mộc trên vỉa hè lát gạch tự chèn	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,63	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh/chuẩn bị mặt bằng	
10	4	GT.10.04	Sửa chữa vỉa hè gạch bê tông xi măng	Gạch 30 x 30 x 4cm	Nhân công 3,5/7	công	0,25	Nhân công Nhóm 3	Lát nền, sàn	
11		GT.10.04	Sửa chữa vỉa hè gạch bê tông xi măng	Gạch 40 x 40 x 6cm	Nhân công 3,5/7	công	0,3	Nhân công Nhóm 3	Lát nền, sàn	
12	5	GT.10.05	Lát gạch lá dừa có đệm cát, mạch vữa xi măng	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,35	Nhân công Nhóm 3	Lát nền, sàn	
13		GT.10.06	Lát gạch ceramic và granit nhân tạo	Gạch 30 x 30cm	Nhân công 3,5/7	công	0,56	Nhân công Nhóm 3	Ốp, lát, láng	

14	6	GT.10.06	Lát gạch ceramic và granit nhân tạo	Gạch 40 x 40cm	Nhân công 3,5/7	công	0,45	Nhân công Nhóm 3	Ốp, lát, láng	
15		GT.10.06	Lát gạch ceramic và granit nhân tạo	Gạch 50 x 50cm	Nhân công 3,5/7	công	0,33	Nhân công Nhóm 3	Ốp, lát, láng	
16	7	GT.10.07	Lắp đặt bó vỉa hè	Cầu kiện 18 x 22 x 100cm	Nhân công 4/7	công	0,15	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
17		GT.10.07	Lắp đặt bó vỉa hè	Cầu kiện 18 x 30 x 100cm	Nhân công 4/7	công	0,2	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
18		GT.10.07	Lắp đặt bó vỉa hè	Cầu kiện 23 x 26 x 100cm	Nhân công 4/7	công	0,2	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
19	8	GT.10.08	Lắp đặt tấm đan rãnh	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,05	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
20	9	GT.10.09	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công	Cầu kiện $\leq 50\text{kg}$	Nhân công 3/7	công	0,15	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
21		GT.10.09	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công	Cầu kiện $\leq 100\text{kg}$	Nhân công 3/7	công	0,25	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
22		GT.10.09	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công	Cầu kiện $\leq 250\text{kg}$	Nhân công 3/7	công	0,45	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
23		GT.10.09	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công	Cầu kiện $< 300\text{kg}$	Nhân công 3/7	công	0,85	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
24	10	GT.10.10	Nâng sửa vỉa bê tông, tấm đan	Vỉa bê tông	Nhân công 4/7	công	0,27	Nhân công Nhóm 2	Bê tông/lắp đặt cầu kiện bê tông	
25		GT.10.10	Nâng sửa vỉa bê tông, tấm đan	Tấm đan	Nhân công 4/7	công	0,15	Nhân công Nhóm 2	Lắp đặt cầu kiện bê tông	
26	11	GT.10.11	Nâng sửa, lắp đặt tấm đan đá, bó vỉa hè đá	Nâng sửa tấm đan đá	Nhân công 3/7	công	0,2	Nhân công Nhóm 2	Xây đá/công tác khác	Do chi là nâng sửa, có thể cân nhắc Nhóm 3 nếu xác định bản chất là lát;
27		GT.10.11	Nâng sửa, lắp đặt tấm đan đá, bó vỉa hè đá	Lắp đặt tấm đan đá	Nhân công 3/7	công	0,06	Nhân công Nhóm 2	Xây đá/công tác khác	
28		GT.10.11	Nâng sửa, lắp đặt tấm đan đá, bó vỉa hè đá	Lắp đặt bó vỉa hè đá	Nhân công 3/7	công	0,25	Nhân công Nhóm 2	Xây đá/công tác khác	

29	12	GT.10.12	Sửa chữa lát hè bằng gạch block	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,3	Nhân công Nhóm 3	Lát nền, sàn	
30	13	GT.21.01	Duy trì vệ sinh biển báo xe buýt	Bóc quảng cáo <10% diện tích	Nhân công 3/7	công	0,049	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
31		GT.21.01	Duy trì vệ sinh biển báo xe buýt	Bóc quảng cáo 10%-25% diện tích	Nhân công 3/7	công	0,075	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
32		GT.21.01	Duy trì vệ sinh biển báo xe buýt	Bóc quảng cáo >25% diện tích	Nhân công 3/7	công	0,098	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
33	14	GT.21.02	Vệ sinh nhà chờ xe buýt	Vệ sinh thường xuyên	Nhân công 3/7	công	0,03	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
34		GT.21.02	Vệ sinh nhà chờ xe buýt	Vệ sinh công nghiệp	Nhân công 3/7	công	0,022	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
35	15	GT.22.01	Thay một mặt biển báo, dán nền và nội dung thông tin tại xưởng	Định mức	Nhân công 4/7	công	1,05	Nhân công Nhóm 3	Gia công kết cấu sắt thép; sơn	đề xuất Nhóm 3 theo thành phần gia công tôn, hàn, sơn.
36	16	GT.22.02	Thay mái nhà chờ tại hiện trường	Mái nhựa	Nhân công 4/7	công	0,159	Nhân công Nhóm 3	Làm mái	
37		GT.22.02	Thay mái nhà chờ tại hiện trường	Mái tôn	Nhân công 4/7	công	0,169	Nhân công Nhóm 3	Làm mái	
38	17	GT.22.03	Thay cột nhà chờ tại hiện trường	Cột thép ống D89x3	Nhân công 4/7	công	5,24	Nhân công Nhóm 3	Gia công, lắp dựng kết cấu sắt thép	
39		GT.22.03	Thay cột nhà chờ tại hiện trường	Hộp Inox 230x165x2,5	Nhân công 4/7	công	0,64	Nhân công Nhóm 3	Gia công, lắp dựng kết cấu sắt thép	
40		GT.22.03	Thay cột nhà chờ tại hiện trường	Hộp Inox 100x100x2,5 dài 2,5m	Nhân công 4/7	công	3,17	Nhân công Nhóm 3	Gia công, lắp dựng kết cấu sắt thép	
41		GT.22.03	Thay cột nhà chờ tại hiện trường	Hộp Inox 215x165x2,5	Nhân công 4/7	công	0,81	Nhân công Nhóm 3	Gia công, lắp dựng kết cấu sắt thép	

42		GT.22.03	Thay cột nhà chờ tại hiện trường	Hộp Inox 100x100x2,5 dài 2,8m	Nhân công 4/7	công	3,85	Nhân công Nhóm 3	Gia công, lắp dựng kết cấu sắt thép	
43		GT.22.03	Thay cột nhà chờ tại hiện trường	Ống Inox D89x3 dài 2,55m	Nhân công 4/7	công	4,89	Nhân công Nhóm 3	Gia công, lắp dựng kết cấu sắt thép	
44	18	GT.22.04	Sơn khung xương nhà chờ tại hiện trường	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,344	Nhân công Nhóm 3	Sơn	
45	19	GT.22.05	Di chuyển nhà chờ tại hiện trường	Khung sắt/Inox mái nhựa	Nhân công 4/7	công	16,09	Nhân công Nhóm 3	Lắp dựng kết cấu sắt thép	Công tác hỗn hợp tháo dỡ + lắp dựng + móng; đề xuất theo công việc chính là lắp dựng
46		GT.22.05	Di chuyển nhà chờ tại hiện trường	Khung sắt/Inox mái sắt	Nhân công 4/7	công	16,75	Nhân công Nhóm 3	Lắp dựng kết cấu sắt thép	
47		GT.22.05	Di chuyển nhà chờ tại hiện trường	Khung Inox mái Inox	Nhân công 4/7	công	21,21	Nhân công Nhóm 3	Lắp dựng kết cấu sắt thép	
48	20	GT.22.06	Thu hồi nhà chờ tại hiện trường	Khung sắt/Inox mái nhựa	Nhân công 4/7	công	5,4	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
49		GT.22.06	Thu hồi nhà chờ tại hiện trường	Khung sắt/Inox mái sắt	Nhân công 4/7	công	5,65	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
50		GT.22.06	Thu hồi nhà chờ tại hiện trường	Khung Inox mái Inox	Nhân công 4/7	công	6,74	Nhân công Nhóm 1	Phá dỡ - tháo dỡ	
51	21	GT.22.07	Lắp đặt ghế ngồi nhà chờ	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,525	Nhân công Nhóm 2	Công tác khác chưa thuộc Nhóm 1, 3, 4	Có khoan/bắt bulông và bê tông móng; đề xuất Nhóm 2
52	22	GT.22.08	Thay ghế ngồi nhà chờ tại hiện trường	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,044	Nhân công Nhóm 2	Công tác khác chưa thuộc Nhóm 1, 3, 4	
53	23	GT.30.01	Tuần tra, bảo vệ, vệ sinh thường xuyên	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,5	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh/công tác phục vụ	

54	24	GT.30.02	Thay tấm vách nhựa chắn bụi	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,1	Nhân công Nhóm 3	Gia công, lắp dựng kết cấu sắt thép	Thành phần có khoan, hàn; cần đối chiếu thuyết minh cấu tạo tấm và khung.
55	25	TH.10.01	Quản lý nút đèn tín hiệu	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,312	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển	
56	26	TH.10.02	Điều chỉnh chu kỳ đèn, lập pha	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,28	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển	Gộp với dòng kỹ sư cùng mã thành 0,72 công Nhóm 4.
57		TH.10.02	Điều chỉnh chu kỳ đèn, lập pha	Định mức	Kỹ sư bậc 4	công	0,44	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển	TT37 chi tách kỹ sư khảo sát/thí nghiệm; kỹ sư điều chỉnh tín hiệu đề xuất xếp Nhóm 4 và
58	27	TH.20.01	Vệ sinh tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	Vỏ tủ	Nhân công 3,5/7	công	0,06	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
59		TH.20.01	Vệ sinh tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	Bên trong tủ	Nhân công 4/7	công	0,46	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	Nếu nội dung gồm kiểm tra/hiệu chỉnh thiết bị thì cân nhắc Nhóm 4; tên định mức hiện là vệ sinh.
60	28	TH.20.02	Bảo dưỡng bảng thông tin điện tử	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,1969	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
61	29	TH.20.03	Vệ sinh đèn tín hiệu giao thông	Thủ công, cao $\leq 3m$	Nhân công 3/7	công	0,063	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
62		TH.20.03	Vệ sinh đèn tín hiệu giao thông	Bằng máy, cao $> 3m$	Nhân công 3/7	công	0,127	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
63	30	TH.20.04	Vệ sinh bể cấp	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,53	Nhân công Nhóm 1	Vệ sinh	
64	31	TH.20.05	Sơn lại vỏ tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,43	Nhân công Nhóm 3	Sơn	

65	32	TH.20.06	Kiểm tra, đo tiếp địa nút đèn tín hiệu giao thông	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,035	Nhân công Nhóm 4	Đo lường, thí nghiệm	
66	33	TH.20.07	Thay thế dây tủ hồng, làm kín dây tủ điều khiển	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,43	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt/sửa chữa thiết bị tín hiệu, điều khiển	
67	34	TH.20.08	Căn chỉnh đèn tín hiệu giao thông	Thủ công, cao $\leq 3\text{m}$	Nhân công 3,5/7	công	0,21	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
68		TH.20.08	Căn chỉnh đèn tín hiệu giao thông	Xe nâng, cao $> 3\text{m}$	Nhân công 3,5/7	công	0,23	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
69	35	TH.20.09	Căn chỉnh cột đèn tín hiệu giao thông	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	1,73	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt/sửa chữa hệ thống tín hiệu	
70	36	TH.20.10	Bảo dưỡng tủ điều khiển bảng thông tin giao thông điện tử	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,1094	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
71	37	TH.30.01	Sửa chữa thiết bị trong tủ điều khiển đèn tín hiệu	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,2	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
72	38	TH.30.02	Sửa chữa chạm chập cáp tín hiệu giao thông	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,78	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
73	39	TH.30.03	Thay thế tấm pin năng lượng mặt trời	Modul $\leq 75\text{W}$	Kỹ sư 4,0/8	công	0,3	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt thiết bị công nghệ/điện	Gộp với công nhân cùng cột thành 1,52 công Nhóm 4.
74		TH.30.03	Thay thế tấm pin năng lượng mặt trời	Modul $\leq 75\text{W}$	Công nhân 5,0/7	công	1,22	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt thiết bị công nghệ/điện	
75		TH.30.03	Thay thế tấm pin năng lượng mặt trời	Modul $> 75\text{W}$	Kỹ sư 4,0/8	công	0,33	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt thiết bị công nghệ/điện	Gộp với công nhân cùng cột thành 1,916 công Nhóm 4.
76		TH.30.03	Thay thế tấm pin năng lượng mặt trời	Modul $> 75\text{W}$	Công nhân 5,0/7	công	1,586	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt thiết bị công nghệ/điện	
77	40	TH.30.04	Thay module đèn tín hiệu giao thông	Thủ công	Nhân công 3,5/7	công	0,84	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	

78	70	TH.30.04	Thay module đèn tín hiệu giao thông	Bằng máy	Nhân công 3,5/7	công	0,84	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
79	41	TH.30.05	Thay vỏ hộp đèn tín hiệu giao thông	Thủ công	Nhân công 3,5/7	công	0,23	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
80		TH.30.05	Thay vỏ hộp đèn tín hiệu giao thông	Bằng máy	Nhân công 3,5/7	công	0,397	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
81	42	TH.30.06	Thay mí đèn	Định mức	Nhân công 3/7	công	1,	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
82	43	TH.30.07	Thay tay bắt đèn trên cần vượn dùng xe nâng	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,25	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống tín hiệu	
83	44	TH.30.08	Thay dây lên đèn tín hiệu giao thông	Thủ công	Nhân công 3,5/7	công	0,035	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống điện/tín hiệu	
84		TH.30.08	Thay dây lên đèn tín hiệu giao thông	Bằng máy	Nhân công 3,5/7	công	0,028	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống điện/tín hiệu	
85	45	TH.30.09	Thay cột đèn tín hiệu giao thông không tay vượn	Thủ công, cột cao ≤3m	Nhân công 3,5/7	công	1,26	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống tín hiệu	
86		TH.30.09	Thay cột đèn tín hiệu giao thông không tay vượn	Bằng máy, cột cao >3m	Nhân công 3,5/7	công	1,76	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống tín hiệu	
87	46	TH.30.10	Thay cột đèn tín hiệu giao thông có tay vượn	Cần vượn ≤5m	Nhân công 3,5/7	công	1,97	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống tín hiệu	
88		TH.30.10	Thay cột đèn tín hiệu giao thông có tay vượn	Cần vượn >5m	Nhân công 3,5/7	công	2,45	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống tín hiệu	
89	47	TH.30.11	Thay cáp điều khiển tín hiệu giao thông, cáp ngầm	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	5,5	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống điện/tín hiệu	
90	48	TH.30.12	Nối cáp ngầm	Định mức	Bạc thợ bình quân 4/7	công	0,037	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt hệ thống điện/tín hiệu	
91	49	TH.30.13	Ứng cứu điện nguồn khi nút bị mất điện lưới	Định mức	Nhân công 3/7	công	0,15	Nhân công Nhóm 4	Hệ thống điện/tín hiệu, điều khiển	

92	50	TH.30.14	Thay modem truyền thông tại tủ đèn tín hiệu	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,56	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
93		TH.30.14	Thay modem truyền thông tại tủ đèn tín hiệu	Định mức	Kỹ sư bậc 4	công	0,25	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
94	51	TH.30.15	Thay thiết bị nguồn dự phòng UPS hồng	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,32	Nhân công Nhóm 4	Lắp đặt thiết bị điện/điều khiển	
95	52	TH.30.16	Thay bộ điều khiển trong tủ	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,31	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
96	53	TH.40.01	Bảo dưỡng tủ kỹ thuật camera	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,15	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
97	54	TH.40.02	Hiệu chỉnh camera giao thông	Định mức	Nhân công 4/7	công	1,	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển	Gộp với kỹ sư thành 2,0 công Nhóm 4.
98		TH.40.02	Hiệu chỉnh camera giao thông	Định mức	Kỹ sư 4/8	công	1,	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển	
99	55	TH.40.03	Bảo dưỡng camera	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,393	Nhân công Nhóm 4	Thông tin, tín hiệu, điều khiển	
100	56	TH.40.04	Bảo dưỡng thiết bị trợ sáng camera ban đêm	Định mức	Nhân công 3,5/7	công	0,2	Nhân công Nhóm 4	Thiết bị điện/thông tin, tín hiệu	
101	57	TH.50.01	Bảo dưỡng máy chủ lưu trữ	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,5	Nhân công Nhóm 4	Thiết bị công nghệ/thông tin, điều khiển	
102	58	TH.50.02	Bảo dưỡng tủ phân phối nguồn điện	Định mức	Nhân công 4/7	công	0,15	Nhân công Nhóm 4	Thiết bị điện/điều khiển	
103	59	TH.50.03	Bảo dưỡng máy phát điện	Định mức	Kỹ sư 2/8	công	0,535	Nhân công Nhóm 4	Thiết bị công nghệ/điện, thí nghiệm	Gộp với công nhân thành 3,76 công Nhóm 4.
104		TH.50.03	Bảo dưỡng máy phát điện	Định mức	Công nhân 4/7	công	3,225	Nhân công Nhóm 4	Thiết bị công nghệ/điện	